

Bản án số: 309/2025/DS-PT
Ngày 14-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Đào Chí Keo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 312/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn Trọng T, sinh năm 1964 (có mặt);

1.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số F, tỉnh lộ 942, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số F, tỉnh lộ 942, ấp M, xã L, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số E, tổ A, khóm L, phường T, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/11/2025) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Xuân L, sinh năm 1955; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai của nguyên đơn ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Thanh H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10 tháng 11 (âl) năm 2018, nguyên đơn có cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền 1.000.000.000đ, lãi suất 2%/tháng để bổ sung vốn kinh doanh mua bán đồ gỗ của gia đình. Thời gian đầu bà K trả lãi hàng tháng đầy đủ, từ ngày 10/10âl/2020 đến ngày 10/8âl/2024 thì bà K chỉ mới trả được 06 tháng. Tính đến ngày làm đơn khởi kiện, bà K nợ 40 tháng tiền lãi và số nợ gốc 1.000.000.000đ, phần lãi suất này nguyên đơn đồng ý giảm xuống tính 1,5%/tháng là 40 tháng x 15.000.000đ = 600.000.000đ. Từ năm 2023 thì bà K không còn trả nợ lãi, nguyên đơn có nhắc nhở nhiều lần yêu cầu bà K trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho nợ lại nhưng bà K không thực hiện mà chỉ đưa 02 lần tiền là 11.700.000đ. Đến tháng 10âl/2023, nguyên đơn có mua 02 lần của bà K tổng cộng 05 món đồ gỗ để sử dụng (gồm 01 tủ thờ, 01 tủ áo, 01 tủ chén, 01 bộ bàn ghế sofa, 01 ghế dựa) với giá trị chưa đến 80.000.000đ nhưng bà K không chịu ghi giấy tính tiền, nói để trừ tiền nợ. Đến ngày 16/8/2024 khi hòa giải ở khóm M, bà K tính 05 món đồ trị giá 204.000.000đ là vượt quá xa so với giá thực tế, cộng với số tiền bà K trả lãi 02 lần 11.700.000đ, như vậy bà K đã trả cho nguyên đơn 215.000.000đ. Việc bà K vay tiền của nguyên đơn để bổ sung vốn kinh doanh của gia đình nên ông Đỗ Xuân L (là chồng bà K) cũng phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền vay 1.000.000.000đ, tiền lãi còn nợ 384.300.000đ, không yêu cầu tính lãi tiếp theo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Xuân L không gửi văn bản ghi ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 23/2025/QĐ-SCBSQĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ với bà Nguyễn Thị Kiều .

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền vốn là 1.000.000.000đ và lãi 384.300.000đ. Tổng cộng 1.384.300.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ yêu cầu ông Đỗ Xuân L liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kiều T2 số tiền vốn là 1.000.000.000đ và lãi 384.300.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự; về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16/5/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo quá hạn và ngày 12/6/2025 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ra Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 19/2025/QĐ-PT. Bà K kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; yêu cầu trừ số tiền mua đồ gỗ 204.000.000đ vào tiền vốn gốc; bà K không đồng ý trả lãi vì đã trả lãi cho ông T, bà Đ mỗi tháng 20.000.000đ từ năm 2017 đến năm 2024 với tổng số tiền 1.680.000.000đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà T1 đại diện theo ủy quyền của bà K có ý kiến: Bà K đồng ý trả số tiền vốn vay 1.000.000.000đ cho ông T và bà Đ. Về phần tiền lãi do trước đó đã trả nhiều, nhưng không có chứng cứ chứng minh nên nay yêu cầu ông T, bà Đ giảm một phần tiền lãi cho bà K. Và thống nhất với ý kiến của ông T tại phiên tòa, bà K đồng ý trả cho ông T, bà Đ tổng số tiền vốn và lãi 1.300.000.000đ (trong đó, tiền vốn 1.000.000.000đ và tiền lãi 300.000.000đ).

- Ông T có ý kiến: Số tiền vợ chồng ông cho bà K vay là do vợ chồng ông vay của người khác, phải trả lãi đầy đủ và hiện bà Đ bị bệnh cần tiền chữa trị. Ông đồng ý giảm một phần tiền lãi so với án sơ thẩm đã tuyên để bà K sớm trả nợ cho vợ chồng ông. Nay ông xác định vợ chồng ông yêu cầu bà K phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông tổng số tiền vốn và lãi 1.300.000.000đ (trong đó tiền vốn 1.000.000.000đ và tiền lãi 300.000.000đ). Ngoài ra, ông xin xác định mốc thời gian bà K trả lãi cho ông là ngày dương lịch, không phải ngày âm lịch như cấp sơ thẩm ghi nhận do ông nhầm lẫn trong trình bày, cụ thể: Ngày 10/10/2020 và ngày 10/8/2024.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi

thủ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang), công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Bà K có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Đ tổng số tiền 1.300.000.000đ, trong đó vốn 1.000.000.000đ và tiền lãi 300.000.000đ. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị K làm đơn kháng cáo quá hạn đã được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ra Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 19/2025/QĐ-PT ngày 12/6/2025 và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và thống nhất ý kiến của ông T. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Căn cứ nguyên đơn ông T, bà Đ khởi kiện là biên nhận ngày 10/11/2018 thể hiện bà K có vay của ông T và bà Đ số tiền 1.000.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Tại Biên bản hòa giải của khóm M, thị trấn M, huyện C ngày 16/8/2024, bà Đ yêu cầu bà K trả tiền vốn 1.000.000.000đ và tiền lãi; bà K đã thừa nhận có vay 1.000.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, tổng nợ lãi từ năm 2020 đến thời điểm hòa giải là 641.700.000đ và đồng ý trả vốn, xin không trả lãi và yêu cầu trừ số tiền 204.000.000đ ông T, bà Đ mua đồ gỗ của bà K chưa thanh toán vào tiền vốn. Như vậy, có cơ sở xác định giữa ông T, bà Đ với bà K có xác lập hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn số tiền vay 1.000.000.000đ; ông T và bà Đ đã hoàn thành nghĩa vụ của người cho vay là giao đủ số tiền 1.000.000.000đ cho bà K, có thỏa thuận lãi theo quy định tại Điều 463 và 469 Bộ luật Dân sự. Nay do bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nguyên đơn cũng đã thông báo yêu cầu bà K trả tiền vốn và tiền lãi nợ khi hòa giải ngày 16/8/2024, nhưng bà K không thực hiện. Do đó, ông T, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà K trả số tiền vốn vay 1.000.000.000đ và được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay 1.000.000.000đ theo mức lãi suất 1,5%/tháng, từ ngày 10/10/2020 đến 10/8/2024 là 40 tháng (do bà K có trả lãi được 06 tháng), cụ thể: $1.000.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 40 \text{ tháng} = 600.000.000đ$, không yêu cầu tính lãi tiếp theo.

Xét thấy, theo trình bày của nguyên đơn và lời thừa nhận của bà K tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2024, khi xác lập hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng là thấp hơn quy định pháp luật 20%/năm theo quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự và không yêu cầu tính lãi tiếp theo sau ngày 10/8/2024 là có lợi cho bà K nên cấp sơ thẩm chấp nhận và tính lãi 1,5%/tháng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đồng thời, do bà K chỉ trả lãi hai lần số tiền 11.700.000đ và tháng 10a1/2023, ông T, bà Đ có mua đồ gỗ của bà K số tiền 204.000.000đ, do đó cấp sơ thẩm đã trừ vào số tiền bà K nợ lãi thời gian qua của ông T, bà Đ là có cơ sở và buộc bà K phải trả số tiền nợ lãi còn lại là $600.000.000đ - 215.700.000đ = 384.300.000đ$ là phù hợp.

Nay tại phiên tòa phúc thẩm, bà K do bà T1 đại diện theo ủy quyền đồng ý trả cho ông T và bà Đ tổng số tiền 1.300.000.000đ, trong đó tiền vốn 1.000.000.000đ, tiền lãi 300.000.000đ và được ông T đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bà K phải có trách nhiệm trả cho ông T, bà Đ tổng số tiền 1.300.000.000đ, trong đó tiền vốn 1.000.000.000đ và tiền lãi 300.000.000đ như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 51.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 23/2025/QĐ-SCBSQĐ

ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang).

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Bà Nguyễn Thị K phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tổng số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng), trong đó số tiền vốn 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và tiền lãi 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 26.760.000đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0023442 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang).

3. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016510 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11 – An Giang;
- Phòng GD,KT,TT&THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu